TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 12/01/2021

V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Tốt.

Bà Đỗ Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 923/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 979/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG(Viết tắt: Ngân hàng).

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, là đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc);
- Ông Lê Nguyễn Khoa Nguyên, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4292/2019/GUQ-PL ngày 30/12/2019);

- Ông Trần Đức Thắng, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 250/2020/UQ-TTT ngày 07/5/2020) – có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm: 1979 – vắng mặt.

Địa chỉ: 9C10, Hà Huy Giáp, khu phố 3A, Khu nhà ở Ngã Tư Ga, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG, có ông Trần Đức Thắng là đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2011 (gọi tắt là hợp đồng), thể hiện ông Trần T được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức: 30.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất là 2,5%/tháng. Sau khi được cấp thẻ, ông Tài đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 87.650.000 đồng. Ông Tài đã thanh toán được 67.565.000 đồng, số tiền còn lại không thanh toán dù Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 21/4/2013, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Tài và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc cá nhân ông Trần T thanh toán 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng số tiền là: 161.894.710 đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 35.738.158 đồng và lãi quá hạn là: 126.156.552 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc: 35.738.158 đồng và lãi quá hạn: 126.156.552 đồng. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký kết giữa các bên. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Theo xác nhận của Công an phường Thạnh Lộc, Quận 12 ngày 19/6/2020, thể hiện bị đơn đã chuyển hộ khẩu về số: 234/8, đường TX 14, phường Thạnh Xuân, Quận 12 từ ngày 11/10/2017. Căn cứ theo xác nhận của Công an phường Thạnh Xuân, Quận 12 ngày 02/11/2020 thể hiện tại địa chỉ số: 234/8, đường TX 14, phường Thạnh Xuân, Quận 12 không có ai tên Trần T đăng ký thường trú, tạm trú. Căn cứ theo hợp đồng thể hiện bị đơn có địa chỉ tại số: 9C10, Hà Huy Giáp, khu phố 3A, Khu nhà ở Ngã Tư Ga, phường Thạnh Lộc, Quận 12. Vì vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, điểm b Khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng:

- Ông Trần Đức Thắng tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền của Ngân hàng, việc ủy quyền là hợp lệ nên chấp nhận. Ngày 25/11/2020, ông Thắng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bị đơn không chấp hành pháp luật, không hợp tác với Tòa án, làm cho vụ án bị kéo dài, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn đã tự mình tước bỏ quyền được xét xử bởi một phiên tòa công bằng, quyền đòi hỏi công lý tận tụy và không chậm trễ; quyền được trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; bị đơn không hề có bất kỳ một ý kiến gì về vụ án trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể xem xét các ý kiến, yêu cầu của bị đơn trong vụ án và đương nhiên bị đơn phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi trong vụ án này.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

3. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về sự hợp pháp của hợp đồng: Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2011, thể hiện bị đơn được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức là: 30.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất là 2,5%/tháng.

Ngân hàng là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm việc thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ nhưng không được thực hiện nên khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nợ gốc và lãi còn lại là có căn cứ.

3.2. Về số tiền nợ gốc của hợp đồng: Hạn mức sử dụng thẻ là: 30.000.000 đồng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 87.650.000 đồng và đã thanh toán được 67.565.000 đồng; nhưng sau đó không thanh toán tiếp dù Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu. Điều này phù hợp với bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê. Tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng quy định: *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán... Khi sự kiện vi phạm xảy ra,...đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ..."* Ngày 21/4/2013, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại là 35.738.158 đồng sang nợ quá hạn.

Xét yêu cầu trả nợ gốc trên của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về số tiền lãi quá hạn: Lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên là 2,5%/tháng và lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% của lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Xét thấy việc thỏa thuận lãi giữa Ngân hàng và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn, số tiền lãi bị đơn phải thanh toán là: 126.156.552 đồng, nên yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi quá hạn của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG.

1.1. Buộc ông Trần T phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG số tiền gốc và lãi còn nợ, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2011, tổng cộng là: 161.894.710 (một trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm mười) đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 35.738.158 (ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn một trăm năm mươi tám) đồng và lãi quá hạn là: 126.156.552 (một trăm hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Tài phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là: 8.094.736 (tám triệu không trăm chín mươi tư triệu bảy trăm ba mươi sáu) đồng, ông Trần T chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG số tiền tạm ứng án phí là: 3.636.376 (ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi sáu) đồng, theo biên lai thu tiền án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0104558 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Ký